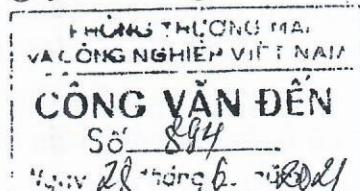


Số: 3723 /BCT-TTTN

V/v giải trình ý kiến tại Thông báo số
169/TB-VPCP về hoàn thiện Nghị định
sửa đổi, bổ sung Nghị định 83/2014/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2021



Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

- Ban P. chđ. bđn/nyan!

Thực hiện Thông báo số 169/TB-VPCP ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành tại cuộc họp về việc hoàn thiện Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu, Bộ Công Thương xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ về 02 nội dung cần giải trình, làm rõ như sau:

1. Đối với quy định về việc cho phép thương nhân kinh doanh xăng dầu nếu có hoạt động sản xuất xăng dầu được chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài nhưng không quá 35%

1.1. Thực trạng hiện nay

Mặc dù quy định cho phép thương nhân kinh doanh xăng dầu nếu có hoạt động sản xuất xăng dầu được chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài nhưng không quá 35% tuy là nội dung mới được đưa vào Dự thảo Nghị định nhưng trên thực tế, việc chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài đã và đang được thực hiện nhiều năm nay. Cụ thể, tại NSRP nhà đầu tư nước ngoài được nắm giữ tỷ lệ 75%; tương ứng BSR 49%, PVOIL 35%, Petrolimex 20% sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép thực hiện thông qua quá trình cổ phần hóa, huy động vốn đầu tư. Đến thời điểm hiện nay, các doanh nghiệp này vẫn đang kinh doanh, hoạt động bình thường, góp phần đảm bảo nguồn cung xăng dầu và an ninh năng lượng cho nền kinh tế.

Tuy nhiên, hiện nay, ngoài các doanh nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép được chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài thì trên thực tế còn có nhiều doanh nghiệp hoạt động đa ngành (trong đó có lĩnh vực xăng dầu) cũng có nhu cầu thu hút vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt thông qua việc niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán.

1.2. Căn cứ pháp lý

Tại các cuộc họp trước đây và tại cuộc họp do Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành chủ trì ngày 24 tháng 6 năm 2021 về việc hoàn thiện Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2012/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu, đại diện các bộ, ngành (Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam) đều nhất trí với các nội dung sau:

- Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia biếu cam kết dịch vụ khi gia nhập WTO, dịch vụ phân phối dầu thô và dầu đã qua chế biến được loại trừ khỏi phạm vi cam kết nên việc cho phép hoặc không cho phép nhà đầu tư nước ngoài thực hiện quyền phân phối xăng dầu tại Việt Nam *thuộc thẩm quyền quyết định của Nhà nước Việt Nam, Nội dung này cũng đã được Bộ Ngoại giao thông qua và được Bộ Tư pháp thẩm định và có ý kiến "...việc quy định quản lý đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu thuộc quyền quyết định của Nhà nước Việt Nam, không chịu sự điều chỉnh của các cam kết quốc tế".*

- Theo pháp luật trong nước:

+ *Luật Đầu tư năm 2014 (Điều 22) quy định không giới hạn tỷ lệ sở hữu vốn của nhà đầu tư nước ngoài đối với doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu nói chung nếu không có quy định khác của pháp luật có liên quan.*

+ *Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán quy định đối với công ty đại chúng hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà chưa có quy định cụ thể về mức giới hạn cho nhà đầu tư nước ngoài sở hữu cổ phần thì các nhà đầu tư nước ngoài được phép mua cổ phần với tỷ lệ sở hữu tối đa là 49%.*

Hiện nay, khi doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán, Ủy ban chứng khoán Nhà nước không có căn cứ pháp lý để giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp trong nước gấp lúng túng trong quá trình thương thảo với các nhà đầu tư nước ngoài về việc đầu tư, phát hành tăng vốn và đặc biệt là thiếu đồng nhất về tỷ lệ nắm giữ cổ phần của đối tượng này. Do chưa có quy định chính thức và cụ thể tại các văn bản quy phạm pháp luật về tỷ lệ nắm giữ cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu nên hiện có một "*khoảng trống pháp lý*" trong công tác quản lý nhà nước và niêm yết trên sàn chứng khoán của doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu.

Ngoài ra, tại Công văn số 1538/VPCP-ĐMDN ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ về phát hành tăng vốn cho cổ đông chiến lược của Petrolimex, Lãnh đạo Chính phủ đã có chỉ đạo "*Bộ Công Thương nắm kỹ tình hình, sửa đổi, hoàn thiện các quy định chưa phù hợp để bảo đảm nhà đầu tư chiến lược nước ngoài sẽ cùng Petrolimex đầu tư dài hạn cho Dự án nhà máy lọc dầu...*".

Vì vậy, việc rà soát và bổ sung nội dung cho phép doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trong nước nếu có hoạt động sản xuất có thể chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài nhưng không quá 35% là cần thiết, phù hợp với thực tế đã phát sinh và nhu cầu phát triển của ngành xăng dầu trong nước.

1.3. Lợi ích của việc cho phép thương nhân kinh doanh xăng dầu nếu có hoạt động sản xuất xăng dầu được chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài nhưng không quá 35%

- Sự tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài vào các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu góp phần cải thiện đáng kể công tác quản trị doanh nghiệp, giúp minh bạch hơn các báo cáo tài chính, qua đó nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh, giúp cho giá trị doanh nghiệp gia tăng thông qua giá trị cổ phiếu.

- Tạo cơ chế pháp lý cho việc đầu tư, phát hành tăng vốn và đặc biệt là về tỷ lệ nắm giữ cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài khi doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán.

- Đáp ứng nhu cầu thu hút vốn đầu tư nước ngoài của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh xăng dầu trong nước thuộc các thành phần kinh tế khác nhau, nhất là khi doanh nghiệp có hoạt động sản xuất thì nhu cầu về vốn và công nghệ là rất lớn.

- Việc quy định giới hạn chuyển nhượng cổ phần ở mức 35% vừa giải quyết được vấn đề thu hút vốn, công nghệ, kỹ năng quản trị doanh nghiệp song vẫn hạn chế được mức độ can thiệp của nhà đầu tư nước ngoài vào hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước vì theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc nắm giữ không quá 35% cổ phần sẽ không có quyền phủ quyết.

1.4. Giải trình của Bộ Công Thương về một số ý kiến liên quan đến chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài nhưng không quá 35% có thể ảnh hưởng tới kinh doanh xăng dầu trong nước

- Về vấn đề bảo đảm an ninh năng lượng:

+ Doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu dù thuộc mọi thành phần kinh tế khi kinh doanh tại thị trường Việt Nam cũng đều phải tuân thủ các điều kiện, quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Do đó, doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu hoàn toàn bị kiểm soát hoạt động để bảo đảm thực hiện các mục tiêu quản lý của Nhà nước như bảo đảm an ninh năng lượng, chất lượng, an toàn cháy nổ...

+ Theo ý kiến của các chuyên gia, nhà kinh tế: Việc giới hạn 35% cổ phần được chuyển nhượng đã đáp ứng được yêu cầu để không bị mất kiểm soát (không quá 35% để không có quyền phủ quyết Nghị quyết của Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp). Nếu cần kiểm soát tốt hơn nên bổ sung quy định khi chuyển nhượng cho nhà đầu tư nước ngoài cần có sự phê duyệt của các cấp có thẩm quyền. Bên cạnh đó, nếu nhìn nhận an ninh năng lượng ở góc độ năng lực nguồn cung (như tinh thần Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng phát triển năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045), việc cho phép chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài sẽ hỗ trợ năng lực sản xuất, cung ứng, theo đó giúp tăng cường, củng cố an ninh năng lượng.

- Về việc thực hiện quyền phân phối xăng dầu tại Việt Nam

+ Việc cho phép chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài không quá 35% là *hoạt động đầu tư gián tiếp, chưa cho phép doanh nghiệp nước ngoài được trực tiếp thực hiện quyền phân phối xăng dầu tại Việt Nam*. Việc thực hiện

quyền phân phối xăng dầu tại Việt Nam chỉ được thực hiện khi doanh nghiệp nước ngoài thành lập chi nhánh tại Việt Nam và trực tiếp triển khai hoạt động phân phối.

+ Ngoài ra, với thực tiễn của việc thực hiện cam kết của Chính phủ Việt Nam khi Tập đoàn Idemitsu Kosan (Nhật Bản) tham gia thực hiện dự án xây dựng Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn, Chính phủ Việt Nam đã cho phép Idemitsu xây dựng cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại Việt Nam để tiêu thụ trực tiếp các sản phẩm của Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn. Tuy nhiên, hiện nay hệ thống phân phối xăng dầu của Idemitsu mới chỉ có tổng cộng 04 cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại Việt Nam, trong đó 01 tại thành phố Hà Nội, 01 tại thành phố Hải Phòng và 02 tại tỉnh Hưng Yên. Như vậy, có thể thấy sự phát triển hệ thống phân phối của Idemitsu tại thị trường Việt Nam là khá khó khăn. Các trạm xăng dầu của Idemitsu được thiết kế và trang bị các công nghệ mới hiện đại, đội ngũ nhân viên được đào tạo bài bản, cung cấp dịch vụ chuẩn Nhật Bản đem đến sự hài lòng cho khách hàng. Người tiêu dùng Việt Nam có nhiều lựa chọn về dịch vụ và hàng hóa hơn; thị trường xăng dầu minh bạch và cạnh tranh hơn.

1.5. Phương án xử lý

Trên cơ sở phân tích nêu trên, Bộ Công Thương đề xuất các phương án xử lý như sau:

Phương án 1: Trường hợp Thủ tướng Chính phủ thấy nội dung cho phép thương nhân kinh doanh xăng dầu nếu có hoạt động sản xuất được chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài không quá 35% chưa thích hợp để “luật hóa” tại thời điểm hiện nay, Bộ Công Thương kiến nghị bỏ nội dung này ra khỏi Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2014/NĐ-CP và đề nghị Thủ tướng Chính phủ thông qua và sớm ban hành Nghị định do đã có sự thống nhất của các thành viên Chính phủ.

Tuy nhiên, để giải quyết vấn đề về “*khoảng trống pháp lý*” tại Luật Đầu tư năm 2014 và tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 58/2012/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán, đối với công ty đại chúng hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà chưa có quy định cụ thể về mức giới hạn cho nhà đầu tư nước ngoài sở hữu cổ phần, theo đó, cho phép tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%, Bộ Công Thương kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính tiếp tục nghiên cứu để xử lý vấn đề này.

Phương án 2: Cho phép thương nhân kinh doanh xăng dầu nếu có hoạt động sản xuất xăng dầu được chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài nhưng không quá 35% sau khi đã báo cáo và được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ (như Petrolimex, PVOIL, BSR, NSRP... đã thực hiện trước đây). Tuy nhiên, phương án này sẽ làm phát sinh thủ tục hành chính, phải xử lý từng trường hợp trên cơ sở doanh nghiệp báo cáo và xin phép Thủ tướng Chính phủ.

Phương án 3: Giữ nguyên phương án cho phép thương nhân kinh doanh xăng dầu nếu có hoạt động sản xuất xăng dầu được chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài nhưng không quá 35% như đã nêu tại Tờ trình và Dự thảo Nghị định sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP. Phương

án này vừa giải quyết được “*khoảng trống pháp lý*”, vừa đảm bảo mục tiêu kiểm soát sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu.

2. Về việc bổ sung thêm Bộ Quốc phòng được mua trực tiếp nhiên liệu để phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh từ các nhà máy sản xuất

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Lê Văn Thành tại Công văn số 1069/VPVP-KTTH ngày 20 tháng 5 năm 2021, sau khi xin ý kiến và được sự thống nhất của các bộ, ngành, các đơn vị và đối tượng liên quan, Bộ Công Thương đã đưa vào Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2014/NĐ-CP với nội dung sửa đổi như sau: thương nhân sản xuất xăng dầu “*Được tiêu thụ tại thị trường trong nước xăng dầu do thương nhân sản xuất qua hệ thống phân phối của mình theo quy định..., được bán xăng dầu cho thương nhân dầu mỏ khác hoặc bán cho các đơn vị chức năng để phục vụ nhiệm vụ quốc phòng – an ninh theo danh sách đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt*”. Nội dung này đã được sự đồng thuận của các bộ, ngành và đơn vị liên quan tại cuộc họp ngày 24 tháng 6 năm 2021 về việc hoàn thiện Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2012/NĐ-CP do Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành chủ trì.

- Đổi với ý kiến của Bộ Tư pháp về kỹ thuật soạn thảo văn bản, sửa đổi câu chữ trong Dự thảo Nghị định, Bộ Công Thương đã tiếp thu, rà soát và chỉnh sửa lại như sau: thương nhân sản xuất xăng dầu “*Được tiêu thụ tại thị trường trong nước xăng dầu do thương nhân sản xuất qua hệ thống phân phối của mình theo quy định... được bán xăng dầu cho thương nhân dầu mỏ khác. Ngoài ra, được bán cho các đơn vị chức năng để phục vụ nhiệm vụ quốc phòng – an ninh theo danh sách đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt*”.

3. Đề xuất, kiến nghị

Liên Bộ Công Thương - Tài chính và các bộ, ngành liên quan đã triển khai các bước xây dựng Dự thảo Nghị định theo đúng quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Trong quá trình xây dựng Dự thảo Nghị định, Liên Bộ Công Thương - Tài chính và các bộ, ngành liên quan đã rà soát kỹ các nội dung sửa đổi, triển khai qua nhiều bước, nhiều cuộc họp, hội thảo, hội nghị, lấy ý kiến các chuyên gia, nhà kinh tế, các doanh nghiệp, các đối tượng liên quan... đối với các nội dung sửa đổi, bổ sung.

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2014/NĐ-CP đã được các thành viên Chính phủ đồng ý với 24/25 ý kiến thông qua, chỉ có 01 ý kiến đề nghị thông qua nếu chỉnh lý Dự thảo Nghị định đối với nội dung lấy ý kiến theo phương án đã chọn (không đồng ý với nội dung cho phép thương nhân kinh doanh xăng dầu nếu có hoạt động sản xuất xăng dầu được chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài nhưng không quá 35%); các chuyên gia, nhà kinh tế cũng đều có ý kiến thống nhất cao. Các nội dung của Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 83/2014/NĐ-CP đều đã được các thành viên Chính phủ thống nhất thông qua.

Đối với 02 nội dung cần giải trình tại Thông báo số 169/TB-VPCP, Bộ Công Thương đã giải trình và đề xuất với Thủ tướng Chính phủ các phương án xử lý như đã nêu ở trên.

Bộ Công Thương kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ và đề nghị Thủ tướng Chính phủ sớm thông qua Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 83/2014/NĐ-CP./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTTg Lê Văn Thành (để b/c);
- VPCP (KTTH);
- Các Bộ: TP, TC, KHĐT, CA, KHCN, NHNN, TNMT, QP;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Bộ trưởng Nguyễn Hồng Diên (để b/c);
- Vụ PC;
- Lưu: VT, TTTN.



Số: /2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu

1. Khoản 1, khoản 3, khoản 7, khoản 9, khoản 10, khoản 11 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Xăng dầu là tên chung để chỉ các sản phẩm của quá trình công nghệ chưng cất, chế biến dầu thô, chất thải và các nguyên vật liệu khác để tạo ra các sản phẩm dùng làm nhiên liệu, bao gồm: xăng, nhiên liệu đi-ê-zen, dầu hỏa, dầu ma-dút, nhiên liệu hàng không, nhiên liệu sinh học và các sản phẩm khác dùng làm nhiên liệu, không bao gồm các loại khí hóa lỏng và khí nén thiên nhiên.”

“3. Sản xuất xăng dầu là quá trình công nghệ chưng cất, chế biến dầu thô, sản phẩm xăng dầu, bán thành phẩm xăng dầu, chất thải và các nguyên vật liệu khác thành các sản phẩm xăng dầu.”

“7. Giá xăng dầu thế giới là giá các sản phẩm xăng dầu được giao dịch trên thị trường quốc tế do Bộ Công Thương xác định và công bố.”

“9. Giá cơ sở được xác định dựa trên các yếu tố hình thành giá tổng hợp từ các nguồn xăng dầu sản xuất trong nước, nhập khẩu; làm căn cứ để cơ quan nhà nước điều hành giá bán lẻ xăng dầu trong nước (riêng dầu ma-dút là giá bán buôn).”

“10. Thương nhân kinh doanh xăng dầu bao gồm: Thương nhân dầu mỏ kinh doanh xăng dầu; thương nhân dầu mỏ sản xuất xăng dầu; thương nhân

phân phối xăng dầu; thương nhân làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu; thương nhân làm đại lý bán lẻ xăng dầu; thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu; thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu.”

“11. Thương nhân đầu mối bao gồm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu và thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu.

Thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu là thương nhân mua xăng dầu trực tiếp từ nhà máy sản xuất, pha chế xăng dầu (hoặc từ doanh nghiệp được giao quyền bao tiêu toàn bộ sản phẩm xăng dầu của nhà máy trong trường hợp nhà máy sản xuất không trực tiếp bán xăng dầu thành phẩm) hoặc nhập khẩu xăng dầu để cung ứng xăng dầu cho hệ thống của mình, bán cho thương nhân kinh doanh xăng dầu khác và xuất khẩu xăng dầu.

Doanh nghiệp được giao quyền bao tiêu toàn bộ sản phẩm xăng dầu của nhà máy lọc dầu được quyền xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu thành phẩm để bảo đảm cân đối nguồn xăng dầu cung cấp cho các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu theo hướng dẫn của Bộ Công Thương.

Thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu là thương nhân thực hiện quá trình công nghệ chưng cất, chế biến dầu thô, sản phẩm xăng dầu, bán thành phẩm xăng dầu, chất thải và các nguyên vật liệu khác thành các sản phẩm xăng dầu.”

2. Bổ sung khoản 17, khoản 18, khoản 19, khoản 20 vào Điều 3

“17. Nhiên liệu sinh học tại Nghị định này là các loại xăng, nhiên liệu đi-ê-zen, Etanol nhiên liệu quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu đi-ê-zen và nhiên liệu sinh học do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.”

“18. Sở hữu cơ sở vật chất kinh doanh xăng dầu (gồm cửa hàng bán lẻ xăng dầu, kho, phương tiện vận tải, cầu cảng, phương tiện tra nạp, phòng thử nghiệm và các phương tiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh xăng dầu) tại Nghị định này là việc chủ sở hữu sở hữu riêng hoặc sở hữu chung theo phần với tỷ lệ phần sở hữu tối thiểu 35% giá trị loại cơ sở vật chất tại thời điểm xác lập quyền sở hữu cơ sở vật chất đó.

“19. Bỏ khái niệm “đồng sở hữu” quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.”

“20. Thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ là thiết bị bán xăng dầu được đặt tại các điểm bán xăng dầu cố định đã đăng ký với cơ quan chức năng, đã được kiểm soát về đo lường và an toàn phòng cháy chữa cháy và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật. Bộ Công Thương hướng dẫn chi tiết giới hạn sức chứa xăng dầu của thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ.”

3. Bổ sung Điều 5a như sau:

“Điều 5a. Chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài

Ngoài các thương nhân kinh doanh xăng dầu được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài, thương nhân kinh

doanh xăng dầu nếu có hoạt động sản xuất xăng dầu được chuyển nhượng cỗ phần cho nhà đầu tư nước ngoài nhưng không quá 35%”.

4. Đổi tên thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP thành thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu. Đổi tên Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu thành Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu.

Sửa đổi Mẫu số 1, Mẫu số 2, Mẫu số 3 tại Phụ lục của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

5. Khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 7 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Có kho tiếp nhận xăng dầu nhập khẩu dung tích tối thiểu mười lăm nghìn mét khối (15.000 m^3) để trực tiếp nhận xăng dầu từ tàu chở xăng dầu và phương tiện vận tải xăng dầu chuyên dụng khác, thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.”

“4. Có phương tiện vận tải xăng dầu nội địa thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.”

“5. Có hệ thống phân phối xăng dầu: Tối thiểu mười (10) cửa hàng bán lẻ thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên, trong đó có ít nhất năm (05) cửa hàng thuộc sở hữu của doanh nghiệp; tối thiểu bốn mươi (40) tổng đại lý hoặc đại lý hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu thuộc hệ thống phân phối của thương nhân.”

“7. Thương nhân đầu mối kinh doanh nhiên liệu hàng không không bắt buộc phải có hệ thống phân phối quy định tại khoản 5 Điều này nhưng phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có hệ thống kho đầu nguồn tiếp nhận xăng dầu; Phương tiện vận tải, xe tra nạp nhiên liệu hàng không phù hợp với quy định, tiêu chuẩn mặt hàng nhiên liệu hàng không thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên.

- Có kho tiếp nhận tại sân bay với các trang thiết bị, cơ sở vật chất đáp ứng các tiêu chuẩn của mặt hàng nhiên liệu hàng không thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên.

- Có phòng thử nghiệm đủ năng lực thuộc sở hữu hoặc thuê để kiểm tra chất lượng mặt hàng nhiên liệu hàng không theo tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế theo quy định hiện hành.”

6. Điểm a, điểm d khoản 2 và khoản 6 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Đối với trường hợp cấp mới, hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu theo Mẫu số 1 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh xăng dầu theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 7 Nghị định này, kèm theo các tài liệu chứng minh;

- Danh sách cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê, danh sách tổng đại lý, đại lý, thương nhân nhận nhượng quyền thuộc hệ thống phân phối xăng dầu của thương nhân theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị định này, kèm theo các tài liệu chứng minh.”

“d) Trường hợp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu hết hiệu lực thi hành, thương nhân phải lập hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới quy định tại điểm a khoản này và gửi về Bộ Công Thương trước ít nhất ba mươi (30) ngày làm việc, trước khi Giấy xác nhận hết hiệu lực.”

“6. Bộ Công Thương có thẩm quyền thu hồi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu. Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu bị thu hồi trong các trường hợp: thương nhân không hoạt động kinh doanh xăng dầu trong thời gian một (01) Quý trở lên; thương nhân không thực hiện đủ tổng nguồn tối thiểu được Bộ Công Thương giao trong 02 năm liên tiếp; thương nhân bị phá sản theo quy định của pháp luật; thương nhân không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định này; thương nhân không dự trữ xăng dầu theo đúng quy định tại Điều 31 Nghị định này; thương nhân vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm quy định về bảo đảm chất lượng xăng dầu lưu thông trên thị trường tại Nghị định này và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

7. Sửa đổi khoản 1, khoản 2, khoản 7, khoản 11, khoản 18 Điều 9 và bổ sung khoản 20, khoản 21 Điều 9 như sau:

“1. Được Bộ Công Thương phân giao tổng nguồn xăng dầu tối thiểu hàng năm.”

“2. Được quyền nhập khẩu hoặc mua trong nước nguyên liệu để pha chế xăng dầu, thông báo cho cơ quan hải quan làm thủ tục và kiểm soát việc nhập khẩu nguyên liệu của thương nhân.”

“7. Bảo đảm nguồn cung xăng dầu không thấp hơn mức tổng nguồn tối thiểu được Bộ Công Thương phân giao cho cả năm; cung ứng xăng dầu đúng tiến độ theo Quý hoặc theo văn bản hướng dẫn cụ thể của Bộ Công Thương; bảo đảm chất lượng, số lượng, cơ cấu chủng loại và mức dự trữ xăng dầu bắt buộc tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định này.”

“11. Thương nhân đầu mối là chủ sở hữu xăng dầu trên toàn hệ thống phân phối xăng dầu của mình, trừ trường hợp xăng dầu bán cho thương nhân đầu mối khác, thương nhân phân phối xăng dầu và bán cho thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu. Thương nhân đầu mối phải đăng ký hệ thống phân phối của mình theo quy định của Bộ Công Thương.”

“18. Được ủy quyền cho Công ty con trực thuộc thực hiện một số thẩm quyền kinh doanh xăng dầu theo hướng dẫn của Bộ Công Thương.”

“20. Thương nhân đầu mối phải thực hiện trích lập, chi sử dụng, quản lý Quỹ bình ổn giá xăng dầu và báo cáo, công khai theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.”

“21. Trường hợp bị tước Giấy xác nhận hoặc Giấy xác nhận không còn hiệu lực, thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu phải thực hiện việc thu nộp Quỹ bình ổn giá xăng dầu vào ngân sách Nhà nước theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.”

8. Khoản 1, khoản 3, Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Được mua nguyên liệu trong nước, trực tiếp nhập khẩu nguyên liệu, thành phẩm xăng dầu hoặc ủy thác cho thương nhân có Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu thực hiện. Việc nhập khẩu nguyên liệu và thành phẩm xăng dầu phải theo kế hoạch đã được Bộ Công Thương xác nhận, thông báo cho cơ quan hải quan làm thủ tục và kiểm soát việc nhập khẩu nguyên liệu và thành phẩm xăng dầu của thương nhân.”

“3. Được tiêu thụ tại thị trường trong nước xăng dầu do thương nhân sản xuất thông qua hệ thống phân phối của mình theo quy định tại Khoản 8 Điều này, được bán xăng dầu cho thương nhân đầu mối khác. Ngoài ra, được bán cho các đơn vị chức năng để phục vụ mục tiêu an ninh, quốc phòng theo danh sách đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.”

9. Khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 13 được sửa đổi như sau:

“2. Có kho, bể dung tích tối thiểu hai nghìn mét khối (2.000 m^3), thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.”

“3. Có phương tiện vận tải xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.”

“5. Có hệ thống phân phối xăng dầu trên địa bàn từ hai (02) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên, bao gồm tối thiểu năm (05) cửa hàng bán lẻ thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên, trong đó có ít nhất ba (03) cửa hàng thuộc sở hữu; tối thiểu mười (10) cửa hàng thuộc các đại lý hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.”

10. Bổ sung vào điểm a khoản 2 Điều 14 nội dung sau:

“- Bản sao Hợp đồng mua bán xăng dầu của thương nhân đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu với thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu.”

11. Khoản 1, khoản 4 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Được mua xăng dầu từ nhiều thương nhân đầu mối và thương nhân phân phối khác theo Hợp đồng mua bán xăng dầu.”

“4. Ngoài việc bán lẻ tại cửa hàng bán lẻ xăng dầu trực thuộc thương nhân, nhượng quyền thương mại cho thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu, bán xăng dầu cho các đơn vị trực tiếp sử dụng xăng dầu phục vụ sản xuất, chỉ được giao xăng dầu bằng hình thức đại lý quy định tại Luật Thương mại cho thương nhân làm đại lý quy định tại Điều 19 và thương nhân này không vi phạm quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 21 Nghị định này.”

12. Khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Có kho, bể xăng dầu dung tích tối thiểu hai nghìn mét khối (2.000 m^3), thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.”

“3. Có phương tiện vận tải xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.”

“4. Có hệ thống phân phối xăng dầu, bao gồm tối thiểu năm (05) cửa hàng bán lẻ thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên, trong đó có ít nhất ba (03) cửa hàng thuộc sở hữu; tối thiểu mười (10) cửa hàng thuộc các đại lý được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.”

13. Khoản 2 Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.”

14. Khoản 3 Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Trường hợp thương nhân là đại lý bán lẻ xăng dầu chỉ có một (01) cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc thuê không phải thực hiện việc cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.”

15. Khoản 2 Điều 22 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.”

16. Khoản 2, khoản 3 Điều 24 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên của thương nhân là đại lý hoặc tổng đại lý hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu có hệ thống phân phối theo quy định tại Nghị định này (thương nhân đề nghị cấp phải đứng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu). Trường hợp đi thuê cửa hàng bán lẻ xăng dầu, thương nhân đi thuê phải đứng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.”

“3. Được thiết kế, xây dựng và có trang thiết bị theo đúng quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu.”

17. Bổ sung Điều 24a như sau:

“Điều 24a. Thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ

Loại hình thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ được phép hoạt động nếu đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Được kiểm soát về đo lường và kiểm định an toàn bởi các cơ quan chức năng theo quy định.

2. Hoạt động tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa theo hướng dẫn của Bộ Công Thương phù hợp với các quy định hiện hành.

3. Thuộc sở hữu của thương nhân là đại lý hoặc tổng đại lý hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu có hệ thống phân phối theo quy định tại Nghị định này.

4. Thương nhân kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ phải gửi hồ sơ thông báo đến Sở Công Thương địa phương nơi đặt thiết bị bán xăng dầu để được cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu.

a) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ bao gồm:

- Thông báo bán lẻ xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ theo Mẫu số 3 của Phụ lục kèm theo Nghị định này.

- Bản sao Giấy xác nhận làm thương nhân kinh doanh xăng dầu theo các loại hình tương ứng theo quy định tại Nghị định này.

- Bản sao Chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy của nhân viên kinh doanh trực tiếp.

- Bản sao giấy chứng nhận kiểm định thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ.

b) Sau thời gian năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ, Sở Công Thương phải có Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu theo biểu Mẫu số 4 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này gửi cho đơn vị kinh doanh thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ. Nếu hồ sơ gửi đến Sở Công Thương không đầy đủ, sau ba (03) ngày làm việc, Sở Công Thương phải có công văn yêu cầu đơn vị kinh doanh bổ sung hồ sơ theo quy định.

5. Trường hợp Giấy tiếp nhận thông báo bán lẻ xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ thay đổi thông tin, thương nhân phải nộp hồ sơ chứng minh việc thay đổi thông tin hoặc trường hợp Giấy tiếp nhận bị thất lạc, hỏng, thương nhân nộp hồ sơ theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều này và gửi về Sở Công Thương để cấp lại Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu.”

18. Bổ sung vào điểm a, sửa đổi điểm d Khoản 2 Điều 25 như sau:

“a) Đổi với trường hợp cấp mới, hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của thương nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu;

- Bản kê trang thiết bị của cửa hàng bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị định này và tài liệu chứng minh tính hợp pháp về xây dựng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu;

- Bản sao chứng chỉ hoặc giấy tờ tương đương về đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý và nhân viên cửa hàng theo quy định tại Khoản 4 Điều 24 Nghị định này.

- Bản sao văn bản xác nhận cung cấp hàng cho các cửa hàng xăng dầu của thương nhân cung cấp;

- Bản sao giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên của thương nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận.”

“d) Trường hợp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu hết hiệu lực thi hành, thương nhân phải lập hồ sơ như đổi với trường hợp cấp mới quy định tại Điểm a Khoản này và gửi về Sở Công Thương trước ba mươi (30) ngày làm việc, trước khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực. Trường hợp cửa hàng xăng dầu không xây mới hoặc cải tạo mở rộng, hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận không bao gồm tài liệu chứng minh tính hợp pháp về xây dựng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu.”

19. Khoản 6 Điều 26 được sửa đổi như sau:

“6. Chỉ ngừng bán hàng sau khi được Sở Công Thương chấp thuận bằng văn bản, trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng (cháy nổ, lũ lụt hoặc đã nỗ lực áp dụng các biện pháp khắc phục nhưng không thể duy trì việc bán hàng.)”

20. Khoản 1 và Khoản 4 Điều 29 được sửa đổi như sau:

“1. Được kinh doanh dịch vụ cho thuê cảng, kho tiếp nhận xăng dầu, kinh doanh dịch vụ vận tải và tra nạp xăng dầu theo hợp đồng đã ký.”

“4. Nếu có hoạt động kinh doanh khác về xăng dầu (thương nhân đầu mối, thương nhân phân phối, tổng đại lý, đại lý, thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu) phải thực hiện đúng các quy định về hoạt động kinh doanh đó.”

21. Điều 31 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu và thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu có tổ chức hệ thống phân phối xăng dầu phải bảo đảm ổn định mức dự trữ xăng dầu bắt buộc tối thiểu bằng hai mươi (20) ngày cung ứng, tính theo sản lượng tiêu thụ nội địa bình quân một (01) ngày của năm trước liền kề, cả về cơ cấu chủng loại; bao gồm dự trữ phục vụ an ninh năng lượng quốc gia, dự trữ lưu thông bắt buộc.

2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, thương nhân phân phối xăng dầu phải bảo đảm ổn định mức dự trữ xăng dầu bắt buộc tối thiểu bằng năm (05) ngày cung ứng, tính theo sản lượng tiêu thụ nội địa bình quân một (01) ngày của năm trước liền kề, cả về cơ cấu chủng loại.

3. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu phải bảo đảm ổn định mức dự trữ xăng dầu bắt buộc tối thiểu theo các quy định hiện hành về dự trữ xăng dầu.

4. Cơ chế sử dụng nguồn xăng dầu dự trữ bắt buộc thực hiện theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia và/hoặc theo chỉ đạo của Bộ Công Thương để phục vụ công tác bảo đảm cân đối cung cầu, bình ổn thị trường khi cần thiết."

22. Điều 33 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 33. Tổng nguồn xăng dầu tối thiểu

1. Hàng năm, căn cứ nhu cầu xăng dầu của nền kinh tế quốc dân và nguồn xăng dầu sản xuất trong nước, Bộ Công Thương xác định nhu cầu định hướng về tổng nguồn xăng dầu của năm tiếp theo. Nhu cầu xăng dầu phục vụ cho quốc phòng được xác định riêng.

2. Trên cơ sở nhu cầu định hướng về tổng nguồn xăng dầu thực tế tiêu thụ nội địa năm trước liền kề và đăng ký của thương nhân, Bộ Công Thương giao tổng nguồn xăng dầu tối thiểu phục vụ tiêu thụ nội địa cả năm theo cơ cấu chủng loại cho từng thương nhân có Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu.

3. Trong trường hợp cần thiết, nhằm bảo đảm cung, Bộ Công Thương quy định cụ thể tiến độ nhập khẩu hoặc mua xăng dầu trong nước để thương nhân đầu mối thực hiện.

4. Căn cứ nhu cầu thị trường, thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu quyết định tổng khối lượng xăng dầu kinh doanh các loại để tiêu thụ tại thị trường trong nước nhưng không thấp hơn mức tối thiểu được giao.

5. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan kiểm tra, giám sát việc bảo đảm tổng nguồn xăng dầu tối thiểu của các thương nhân, bảo đảm đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế và tiêu dùng của xã hội. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Công Thương điều chỉnh mức tổng nguồn tối thiểu đã giao cho các thương nhân."

23. Điều 34 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 34. Thủ tục đăng ký tổng nguồn xăng dầu tối thiểu

1. Hàng năm, trên cơ sở tình hình tiêu thụ xăng dầu trong năm và kế hoạch phát triển trong năm tiếp theo, thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu đăng ký tổng nguồn xăng dầu tối thiểu với Bộ Công Thương.

2. Hồ sơ đăng ký là một (01) bộ, gồm có:

a) Công văn đề nghị trong đó nêu rõ số lượng, chủng loại xăng dầu đăng ký được giao tổng nguồn tối thiểu.

b) Báo cáo tình hình kinh doanh xăng dầu của đơn vị trong năm."

24. Điều 37 được sửa đổi bổ sung như sau:

"Điều 37. Quỹ bình ổn giá xăng dầu

1. Quỹ bình ổn giá xăng dầu là Quỹ tài chính không nằm trong cân đối Ngân sách Nhà nước (sau đây gọi chung là Quỹ bình ổn giá); toàn bộ nguồn trích lập, chi sử dụng để tham gia điều tiết, hỗ trợ cho mục tiêu bình ổn giá bán lẻ xăng dầu trong nước.

Thương nhân dầu mỏ kinh doanh xăng dầu có nghĩa vụ trích lập Quỹ bình ổn giá; hạch toán và theo dõi riêng Quỹ bình ổn giá bằng tài khoản mở tại ngân hàng thương mại theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Các ngân hàng do thương nhân dầu mỏ lựa chọn là ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, thương nhân dầu mỏ kinh doanh xăng dầu chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc lựa chọn ngân hàng và đảm bảo bảo toàn số dư Quỹ bình ổn giá.

2. Trích lập, chi sử dụng Quỹ bình ổn:

a. Mức trích lập Quỹ bình ổn giá:

Mức trích lập Quỹ bình ổn giá là một yếu tố cấu thành giá cơ sở; là một khoản tiền cụ thể tính trên một đơn vị xăng dầu thực tế tiêu thụ (đồng/lít, kg) theo thông báo điều hành giá xăng dầu của Bộ Công Thương.

Trường hợp tại thời điểm điều hành giá nếu số dư quỹ bình ổn giá lớn, Bộ Công Thương xem xét có phương án điều chỉnh hoặc tạm dừng trích lập Quỹ bình ổn giá.

b. Mức chi sử dụng Quỹ bình ổn giá:

- Mức chi sử dụng Quỹ bình ổn giá là một khoản tiền cụ thể tính trên một đơn vị xăng dầu tiêu thụ thực tế (đồng/lít, kg) theo thông báo điều hành giá xăng dầu của Bộ Công Thương.

- Mức chi sử dụng Quỹ bình ổn giá được xem xét điều hành theo nguyên tắc sau:

+ Khi giá cơ sở tăng cao hoặc việc tăng giá xăng, dầu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân.

+ Căn cứ trên số dư Quỹ bình ổn giá tại thời điểm điều hành giá xăng dầu, diễn biến giá cơ sở xăng dầu, tình hình thực tế tại thời điểm điều hành giá.

- Thương nhân dầu mỏ kinh doanh xăng dầu chỉ được chi sử dụng Quỹ bình ổn giá theo thông báo điều hành giá xăng dầu của Bộ Công Thương, không được sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu cho các mục đích khác.

c. Bộ Công Thương căn cứ tình hình thực tế tại thời điểm điều hành giá để quyết định mức trích lập, mức chi sử dụng Quỹ bình ổn giá sau khi thống nhất với Bộ Tài chính.

d. Số tiền trích lập, chi sử dụng trong kỳ phải được đối trừ và nộp kịp thời vào tài khoản Quỹ bình ổn giá tại ngân hàng; lãi suất tiền gửi trên số dư phải được hạch toán vào Quỹ bình ổn giá theo mức lãi suất không thấp hơn mức lãi suất không kỳ hạn áp dụng cho tài khoản tiền gửi của Ngân hàng thương mại nơi thương nhân đầu mối mở tài khoản tiền gửi Quỹ bình ổn giá trong cùng thời kỳ.

Trường hợp thương nhân đầu mối sử dụng Quỹ bình ổn giá theo thông báo điều hành của Bộ Công Thương nhưng tại thời điểm đó số dư của tài khoản tiền gửi Quỹ bình ổn giá không còn (số dư tài khoản tiền gửi Quỹ bình ổn giá tại ngân hàng thương mại bằng không (0)), thương nhân đầu mối được vay vốn để bù đắp cho việc chi sử dụng Quỹ bình ổn giá theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này và chỉ được hạch toán vào Quỹ bình ổn giá theo mức lãi suất thỏa thuận thấp nhất.

3. Thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu có trách nhiệm công bố công khai trên phương tiện thông tin điện tử của doanh nghiệp hoặc trên phương tiện thông tin đại chúng về tình hình trích lập, chi sử dụng, lãi phát sinh và số dư Quỹ bình ổn giá xăng dầu; đồng thời báo cáo về Bộ Tài chính, Bộ Công Thương.

4. Thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện trích lập, chi sử dụng, quản lý Quỹ bình ổn giá xăng dầu và báo cáo, công khai theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Trường hợp vi phạm, căn cứ mức độ của hành vi sẽ bị xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 và Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có). Trường hợp tái phạm nhiều lần sẽ bị đình chỉ hoặc tước quyền sử dụng giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Bộ Tài chính hướng dẫn phương thức trích lập, sử dụng, quản lý về Quỹ bình ổn giá xăng dầu; quy mô Quỹ bình ổn giá xăng dầu; kiểm tra, giám sát các thương nhân đầu mối thực hiện các quy định về trích lập, chi sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu.”

25. Điều 38 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 38. Nguyên tắc điều hành giá xăng dầu:

1. Giá bán xăng dầu được thực hiện theo cơ chế thị trường, có sự điều tiết của Nhà nước, phù hợp với diễn biến giá xăng dầu thế giới và tình hình kinh tế xã hội trong từng thời kỳ.

2. Thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu và thương nhân phân phối xăng dầu được quyền quyết định giá bán buôn. Căn cứ vào tình hình thực tế tại doanh nghiệp, thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu và thương nhân phân phối xăng dầu quyết định giá bán lẻ xăng dầu (riêng dầu ma-dút là giá bán buôn) trong hệ thống phân phối của mình phù hợp với chi phí phát sinh thực tế tại doanh nghiệp và không cao hơn giá cơ sở do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố.

Đối với các địa bàn xa cảng, xa kho đầu mối, xa cơ sở sản xuất xăng dầu, nếu có chi phí thực tế phát sinh hợp lý hợp lệ (được kiểm toán nhà nước hoặc kiểm toán độc lập) tăng cao dẫn đến giá bán cao hơn giá cơ sở, thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu được quyết định giá bán thực tế tại địa bàn đó để bù đắp chi phí phát sinh nhưng không vượt quá 2% giá cơ sở công bố cùng thời điểm. Các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu có trách nhiệm thông báo giá bán với Bộ Công Thương, Bộ Tài chính ngay sau khi quyết định giá bán xăng dầu của doanh nghiệp.

3. Thời gian điều hành giá xăng dầu

Thời gian điều hành giá xăng dầu vào các ngày mùng 1, ngày 11 và ngày 21 hàng tháng. Đối với các kỳ điều hành trùng vào ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ theo quy định của nhà nước, thời gian điều hành được lùi sang ngày làm việc tiếp theo sau ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ. Đối với kỳ điều hành trùng vào dịp Tết Nguyên đán, thời gian điều hành được lùi sang kỳ điều hành tiếp theo.

Trường hợp giá các mặt hàng xăng dầu có biến động bất thường, ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân, Bộ Công Thương có trách nhiệm báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thời gian điều hành giá xăng dầu cho phù hợp.

4. Trường hợp các yếu tố cấu thành biến động làm cho giá cơ sở tăng trên mươi phần trăm ($> 10\%$) so với giá cơ sở liền kề trước đó, Bộ Công Thương có trách nhiệm báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định về biện pháp điều hành cụ thể.

5. Các mặt hàng xăng dầu nhà nước công bố giá cơ sở là những mặt hàng xăng dầu được tiêu dùng phổ biến trên thị trường.”

26. Bổ sung Điều 38a sau Điều 38 về công thức giá cơ sở như sau:

“Điều 38a. Công thức giá cơ sở:

1. Giá cơ sở xăng dầu được xác định bằng (=) Giá xăng dầu từ nguồn nhập khẩu nhân với (x) tỷ trọng (%) sản lượng xăng dầu từ nguồn nhập khẩu cộng (+) Giá xăng dầu từ nguồn sản xuất trong nước nhân với (x) tỷ trọng (%) sản lượng xăng dầu từ nguồn trong nước. Trong đó:

a) Các yếu tố hình thành giá cơ sở, trong đó có các khoản chi phí về thuế để tính giá cơ sở xăng dầu theo quy định tại Nghị định này chỉ để áp dụng tính toán giá cơ sở xăng dầu.

b) Tỷ trọng (%) sản lượng xăng dầu từ nguồn trong nước và nhập khẩu để tính giá cơ sở được xác định hàng Quý; Tỷ trọng sản lượng của Quý trước liền kề được áp dụng để tính giá cơ sở cho các kỳ điều hành giá cơ sở của Quý tiếp theo.

Định kỳ hàng Quý, trên cơ sở số liệu cung cấp về lượng xăng dầu nhập khẩu của Bộ Tài chính và báo cáo lượng bán xăng dầu trong nước của các thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu (từ ngày 21 tháng trước liền kề tháng đầu tiên của Quý đến ngày 20 tháng cuối Quý), cơ quan chủ trì điều hành giá xăng dầu tính toán, xác định tỷ trọng (%) sản lượng xăng dầu từ nguồn trong nước và nhập khẩu để tính giá cơ sở.

c) Giá xăng dầu từ nguồn nhập khẩu được xác định bằng (=) Giá xăng dầu thế giới cộng (+) Chi phí đưa xăng dầu từ nước ngoài về cảng Việt Nam cộng (+) Chi phí kinh doanh định mức cộng (+) Mức trích lập Quỹ bình ổn giá xăng dầu cộng (+) Lợi nhuận định mức cộng (+) Chi phí về thuế (thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế bảo vệ môi trường (nếu có), thuế giá trị gia tăng), phí và các khoản trích nộp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong đó:

- Giá xăng dầu thế giới do Bộ Công Thương cập nhật, xác định theo nguyên tắc tính bình quân theo số ngày có giá giữa hai kỳ công bố giá cơ sở của giá xăng dầu thành phẩm được giao dịch thực tế trên thị trường.

- Chi phí đưa xăng dầu từ nước ngoài về cảng Việt Nam (gồm cộng (+) hoặc trừ (-) Premium là yếu tố điều chỉnh giá trong hợp đồng nhập khẩu xăng dầu, chi phí bảo hiểm, chi phí vận chuyển và các chi phí phát sinh khác nếu có); do Bộ Tài chính xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo sản lượng xăng dầu nhập khẩu và thông báo để Bộ Công Thương áp dụng trong công thức giá cơ sở. Bộ Tài chính rà soát, điều chỉnh mức chi phí đưa xăng dầu từ nước ngoài về cảng Việt Nam định kỳ 6 tháng (trừ trường hợp có biến động bất thường).

- Chi phí về thuế nhập khẩu xăng dầu được xác định trên cơ sở mức thuế suất thuế nhập khẩu bình quân gia quyền theo sản lượng xăng dầu nhập khẩu nhân (x) với (Giá xăng dầu thế giới cộng (+) Chi phí đưa xăng dầu từ nước ngoài về cảng Việt Nam) nhân (x) tỷ giá ngoại tệ. Trong đó, mức thuế suất thuế nhập khẩu bình quân gia quyền do Bộ Tài chính xác định theo Quý và mức thuế suất thuế nhập khẩu bình quân gia quyền (%) của Quý trước liền kề là căn cứ để tính giá cơ sở của Quý sau. Tỷ giá ngoại tệ thực hiện theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Mức thuế suất thuế nhập khẩu bình quân gia quyền (%) do Bộ Tài chính xác định trên cơ sở sản lượng xăng dầu nhập khẩu (từ ngày 21 tháng trước liền kề tháng đầu tiên của Quý đến ngày 20 tháng cuối Quý) và thông báo để Bộ Công Thương áp dụng tính chi phí về thuế nhập khẩu trong công thức tính giá xăng dầu từ nguồn nhập khẩu.

- Chi phí về thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) được xác định trên cơ sở giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt nhân (x) với thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt. Trong đó,

giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt được xác định trên cơ sở các yếu tố hình thành giá cơ sở do Bộ Tài chính hướng dẫn để Bộ Công Thương tính toán áp dụng trong công thức tính giá cơ sở. Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt thực hiện theo quy định của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt hiện hành.

Các chi phí về thuế bảo vệ môi trường (nếu có), thuế giá trị gia tăng, phí và các khoản trích nộp khác được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chi phí kinh doanh định mức, lợi nhuận định mức do Bộ Tài chính xác định và thông báo hàng năm để Bộ Công Thương áp dụng trong công thức tính giá cơ sở xăng dầu.

- Mức trích lập Quỹ bình ổn giá thực hiện theo thông báo của Bộ Công Thương sau khi thống nhất với Bộ Tài chính tại thời điểm công bố giá cơ sở.

d) Giá xăng dầu từ nguồn sản xuất trong nước

Giá xăng dầu từ nguồn sản xuất trong nước bao gồm các yếu tố và được xác định bằng (=) Giá xăng dầu thế giới cộng (+) hoặc trừ (-) Premium (nếu có) cộng (+) Chi phí đưa xăng dầu từ các nhà máy lọc dầu trong nước về đến cảng (nếu có) cộng (+) Chi phí kinh doanh định mức cộng (+) Mức trích lập Quỹ bình ổn giá xăng dầu cộng (+) Lợi nhuận định mức cộng (+) Các khoản chi phí về thuế, phí và các khoản trích nộp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong đó:

- Premium để tính giá xăng dầu từ nguồn sản xuất trong nước (nếu có) là yếu tố điều chỉnh giá trong hợp đồng mua bán xăng dầu giữa thương nhân đầu mối và thương nhân sản xuất xăng dầu; được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo sản lượng. Premium đưa vào tính giá xăng từ nguồn trong nước tối đa không cao hơn giá thế giới bình quân nhân với (x) thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thấp nhất đối với mặt hàng xăng theo cam kết quốc tế (trường hợp thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi thấp nhất đối với xăng lớn hơn 0%).

Premium và chi phí đưa xăng dầu từ các nhà máy lọc dầu trong nước về đến cảng (nếu có) do Bộ Tài chính rà soát, xem xét điều chỉnh định kỳ 6 tháng và thông báo để Bộ Công Thương áp dụng trong công thức giá cơ sở.

Các chi phí thuế, phí và các khoản trích nộp khác được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Các yếu tố hình thành giá gồm giá xăng dầu thế giới, chi phí về thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), chi phí kinh doanh định mức, lợi nhuận định mức, mức trích lập Quỹ bình ổn giá thực hiện theo quy định tại Điều c Khoản 1 Điều này.

2. Giá cơ sở xăng sinh học được xác định bằng (=) {Tỷ lệ phần trăm thể tích xăng không chì (%) nhân (x) {(Giá xăng thế giới cộng (+) Chi phí đưa xăng không chì từ nước ngoài về cảng Việt Nam cộng (+) Chi phí về thuế nhập khẩu xăng không chì) nhân (x) tỷ trọng sản lượng xăng nhập khẩu cộng (+) (Giá xăng thế giới cộng (+) premium cộng (+) chi phí đưa xăng dầu từ nhà máy lọc dầu trong nước đến cảng (nếu có)) nhân (x) tỷ trọng sản lượng xăng

không chỉ từ nguồn sản xuất trong nước} cộng (+) Tỷ lệ phần trăm thể tích Etanol nhiên liệu (%) nhân (x) Giá Etanol nhiên liệu} cộng (+) Chi phí kinh doanh định mức cộng (+) Mức trích lập Quỹ bình ổn giá xăng dầu cộng (+) Lợi nhuận định mức cộng (+) Các khoản chi phí về thuế, phí và các khoản trích nộp khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong đó:

- Tỷ lệ phần trăm theo thể tích của xăng không chỉ, tỷ lệ phần trăm theo thể tích của Etanol nhiên liệu áp dụng để tính giá xăng sinh học theo quy định tại Nghị định này là tỷ lệ cao nhất được phép pha trộn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền phù hợp với từng chủng loại xăng E5, E10; tỷ lệ pha trộn thực tế nằm trong giới hạn cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

- Giá Etanol nhiên liệu áp dụng trong công thức tính giá cơ sở xăng sinh học do Bộ Tài chính xác định và thông báo với cơ quan chủ trì điều hành giá áp dụng trong công thức tính giá cơ sở xăng dầu.

- Giá xăng thế giới, chi phí đưa xăng không chỉ từ nước ngoài về cảng Việt Nam, chi phí thuế nhập khẩu xăng, chi phí về thuế tiêu thụ đặc biệt, chi phí kinh doanh định mức, mức trích lập Quỹ bình ổn giá, lợi nhuận định mức thực hiện theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này.

3. Rà soát điều chỉnh các yếu tố hình thành giá cơ sở

a) Định kỳ hàng Quý, thương nhân dầu mỏ sản xuất xăng dầu có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Bộ Công Thương, Bộ Tài chính sản lượng xăng dầu xuất bán chi tiết từng chủng loại từ ngày 21 tháng trước liền kề tháng đầu tiên của Quý đến ngày 20 tháng cuối Quý.

b) Định kỳ vào ngày 21 hàng tháng, thương nhân dầu mỏ kinh doanh xăng dầu có trách nhiệm gửi báo cáo giá Etanol mua trong nước, giá Etanol nhập khẩu, sản lượng Etanol mua trong nước và nhập khẩu tương ứng về Bộ Công Thương, Bộ Tài chính.

c) Định kỳ trước ngày 21 tháng 6 và 21 tháng 12 hàng năm, các thương nhân dầu mỏ kinh doanh xăng dầu có trách nhiệm gửi báo cáo tổng hợp chi phí đưa xăng dầu từ nước ngoài về cảng Việt Nam; Premium đối với nguồn trong nước; khoản chi phí đưa xăng dầu từ nhà máy lọc dầu trong nước về cảng (nếu có) về Bộ Tài chính.

d) Định kỳ trước ngày 31 tháng 3 hàng năm, thương nhân dầu mỏ kinh doanh xăng dầu có trách nhiệm kiểm toán riêng chuyên đề về chi phí kinh doanh xăng dầu và gửi báo cáo được kiểm toán về Bộ Tài chính, Bộ Công Thương.

đ) Trường hợp ngày báo cáo trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định việc gửi báo cáo được lùi sang ngày làm việc liền kề. Thương nhân dầu mỏ kinh doanh xăng dầu chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo.

e) Trên cơ sở báo cáo của các thương nhân dầu mỏ, Bộ Tài chính tổng hợp, rà soát, đánh giá và tiến hành khảo sát thực tế (nếu cần thiết) để xem xét, quyết định chi phí đưa xăng dầu từ nước ngoài về cảng Việt Nam, Premium đối với nguồn trong nước, chi phí đưa xăng dầu từ các nhà máy lọc dầu trong nước

về đến cảng, chi phí kinh doanh định mức và thông báo để Bộ Công Thương áp dụng trong công thức giá cơ sở.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp xác định các yếu tố cấu thành giá cơ sở.

27. Sửa đổi Khoản 2 Điều 39 như sau:

“2. Bộ Công Thương có trách nhiệm công bố trên trang thông tin điện tử của mình về: Giá thế giới, giá cơ sở, giá bán xăng dầu tối đa hiện hành; thời điểm sử dụng, số trích lập, số sử dụng Quỹ bình ổn giá tại các kỳ điều hành giá xăng dầu; các biện pháp khác.

Bộ Tài chính có trách nhiệm công bố trên trang thông tin điện tử của mình về số dư Quỹ bình ổn giá xăng dầu hàng Quý; tổ chức kiểm tra giám sát việc thực hiện trích lập, chi sử dụng Quỹ bình ổn giá của thương nhân đầu mối.”

28. Sửa đổi điểm đ và bổ sung điểm l vào khoản 1; sửa đổi điểm a, b khoản 2; sửa đổi điểm b và bổ sung điểm e khoản 3 Điều 40

“1. Bộ Công Thương:

đ) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính điều hành giá bán xăng dầu, điều hành trích lập và chi sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu. Mức trích lập và chi sử dụng Quỹ bình ổn giá tại thời điểm công bố giá cơ sở thực hiện sau khi thống nhất với Bộ Tài chính. Khi có ý kiến khác nhau, Bộ Công Thương quyết định và chịu trách nhiệm; trường hợp cần thiết, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Chủ trì, phối hợp Bộ Tài chính kiểm tra, giám sát thương nhân đầu mối, thương nhân phân phối xăng dầu thực hiện các quy định tại Điều 38 Nghị định này.”

“l) Hướng dẫn địa bàn vùng sâu, vùng xa được phép hoạt động và giới hạn sức chứa xăng dầu của thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ phù hợp với quy định hiện hành.”

“2. Bộ Tài chính:

a) Kiểm tra giám sát thương nhân đầu mối thực hiện các quy định tại Điều 37 Nghị định này. Phối hợp với Bộ Công Thương kiểm tra, giám sát các thương nhân đầu mối, thương nhân phân phối thực hiện quy định tại Điều 38 Nghị định này.”

b) Hướng dẫn phương pháp xác định các yếu tố cấu thành giá cơ sở; hướng dẫn phương thức trích lập, chi sử dụng, quản lý về Quỹ bình ổn giá xăng dầu; quy mô Quỹ bình ổn giá xăng dầu; kiểm tra, giám sát các thương nhân đầu mối thực hiện các quy định về trích lập, chi sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu.”

“3. Bộ Khoa học và Công nghệ

b) Chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành liên quan xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đo lường, chất lượng xăng dầu; hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về đo lường, chất lượng đối với xăng dầu, quy định thực hiện thống nhất trong cả nước.

e) Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện việc kiểm soát về đo lường đối với loại hình thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ.”

29. Bổ sung khoản 5a Điều 40 như sau:

“5a. Bộ Công an chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, kiểm định kỹ thuật và chứng nhận phù hợp quy định về phòng cháy, chữa cháy đối với các thiết bị bán xăng dầu.”

30. Sửa đổi khoản 6 Điều 40 như sau:

“6. Căn cứ tình hình kinh tế - xã hội, thực tiễn kinh doanh xăng dầu tại Khu vực 3 thuộc địa bàn miền núi, vùng cao theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho phép tạm cấp phát xăng dầu thuộc lực lượng vũ trang (quốc phòng, công an) được làm đại lý bán lẻ xăng dầu với quy mô, trang thiết bị phù hợp với điều kiện kinh doanh xăng dầu ở khu vực đó; các điều kiện khác phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.”

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2021.
2. bãi bỏ khoản 6 Điều 9, khoản 18 Điều 9, khoản 7 Điều 15, khoản 7 Điều 18, điểm c khoản 2 Điều 40 của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Thương nhân kinh doanh xăng dầu đã được cấp Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu, các Giấy xác nhận kinh doanh xăng dầu, Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu được tiếp tục hoạt động theo các điều kiện quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP cho đến khi các Giấy phép, Giấy xác nhận, Giấy chứng nhận hết hiệu lực hoặc thương nhân đề nghị cấp lại theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện Nghị định

1. Bộ Công Thương, Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ ngành liên quan hướng dẫn thi hành Nghị định này.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (3b).KN.

